

Số: *207* /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 18 tháng 01 năm 2016

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại núi Vức, xã Đông Hưng, thành phố Thanh Hóa và xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 3968/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục và giá tối thiểu tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 24/TTr-STNMT ngày 08 tháng 01 năm 2016,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Vức, xã Đông Hưng, thành phố Thanh Hóa và xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, gồm những nội dung chính như sau:

##### 1. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

a) Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty TNHH Một thành viên Tân Thành 9; địa chỉ: số nhà 134 phố Cao Sơn, phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm lần đầu:

-  $G = 65.000$  đồng/m<sup>3</sup> đối với đá (đá cát kết, đá Bazan) làm VLXD thông thường;

-  $G = 2.100.000$  đồng/m<sup>3</sup> đối với đá khối tận thu làm đá ốp lát;

c) Trữ lượng tính tiền cấp quyền:

$$Q = Q_1 + Q_2 + Q_3;$$

Trong đó:

- Trữ lượng khoáng sản (quy ra trữ lượng địa chất) đơn vị đã khai thác từ ngày 01/7/2011 đến ngày 31/12/2013 gồm: 497m<sup>3</sup> đá ốp lát và 175.817m<sup>3</sup> đá VLXD thông thường. Trữ lượng này hiện chưa tính tiền cấp quyền theo nội dung Công văn số 1014/ĐCKS-KTĐCKS ngày 09/7/2014 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;

-  $Q_1$  là trữ lượng (quy ra trữ lượng địa chất) của đá vôi làm VLXD thông thường đơn vị đã khai thác từ ngày 01/01/2014 đến ngày 05/3/2015 là  $66.680\text{m}^3$ ;

-  $Q_2$  là trữ lượng địa chất của đá vôi làm VLXD thông thường được phê duyệt theo Quyết định số 3796/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 của UBND tỉnh (trữ lượng tính đến ngày 05/3/2015) là:  $231.264\text{m}^3$ ;

-  $Q_3$  là trữ lượng địa chất của đá khối tận thu sản xuất đá ốp lát được phê duyệt theo Quyết định số 3796/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 của UBND tỉnh (trữ lượng tính đến ngày 05/3/2015) là:  $3.522\text{m}^3$ ;

d) Hệ số thu hồi khoáng sản theo phương pháp khai thác lộ thiên:  $K_1 = 0,9$ ;

đ) Hệ số điều kiện kinh tế xã hội:  $K_2 = 1,0$ ;

e) Mức thu tiền cấp quyền khai thác:

+  $R = 4\%$  (Đối với than bùn và các loại vật liệu xây dựng thông thường còn lại);

+  $R = 1\%$  (Đối với đá ốp lát gốc);

f) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị phải nộp (chưa tính tiền cấp quyền đối với khối lượng khoáng sản đã khai thác từ ngày 01/7/2011 đến ngày 31/12/2013) là:

$T = ((Q_1 + Q_2) \times G \times K_1 \times K_2 \times R) + (Q_3 \times G \times K_1 \times K_2 \times R) = ((66.680 + 231.264)\text{m}^3 \times 65.000 \text{ đồng}/\text{m}^3 \times 0,9 \times 1 \times 4\%) + (3.522\text{m}^3 \times 2.100.000 \text{ đồng}/\text{m}^3 \times 0,9 \times 1 \times 1\%) = 763.754.760 \text{ đồng}$ ;

g) Số tiền tạm thu cấp quyền khai thác Công ty TNHH Một thành viên Tân Thành 9 đã nộp:

$T_1 = 480.600.000 \text{ đồng}$ ;

h) Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn lại Công ty TNHH Một thành viên Tân Thành 9 phải nộp:

$T_2 = T - T_1 = 763.754.760 \text{ đồng} - 480.600.000 \text{ đồng} = 283.154.760 \text{ đồng}$  (Hai trăm tám mươi ba triệu, một trăm năm mươi tư nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng).

i) Tổng số lần nộp: 01 lần.

j) Diện tích xã Đông Quang, huyện Đông Sơn ( $3.122 \text{ m}^2$ ) chiếm 42,94%. Diện tích xã Đông Hưng, thành phố Thanh Hóa ( $4.149 \text{ m}^2$ ) chiếm 57,06%.

k) Thời điểm nộp tiền: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa.

## 2. Hoàn trả kinh phí thăm dò:

Mỏ đá vôi núi Vức, xã Đông Hưng, thành phố Thanh Hóa và xã Đông Quang, huyện Đông Sơn được thăm dò bằng nguồn kinh phí của Công ty TNHH Một thành viên Tân Thành 9. Do vậy, đơn vị không phải hoàn trả kinh phí thăm dò.

**Điều 2.** Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa thông báo đến Công ty TNHH Một thành viên Tân Thành 9 về số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp Ngân sách nhà nước theo quy định.

2. Công ty TNHH Một thành viên Tân Thành 9 có trách nhiệm nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào Ngân sách nhà nước theo quy định. Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý tải trọng xe, có trách nhiệm sửa chữa các đường giao thông do quá trình khai thác, vận chuyển khoáng sản gây ra.

3. UBND thành phố Thanh Hóa, UBND xã Đông Hưng, UBND huyện Đông Sơn, UBND xã Đông Quang có trách nhiệm quản lý tải trọng của các phương tiện vận chuyển khoáng sản theo thẩm quyền.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa; Chủ tịch UBND xã Đông Hưng, thành phố Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn; Chủ tịch xã Đông Quang, huyện Đông Sơn; Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Tân Thành 9 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / MTT

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (đề b/c);
- PCT TT Nguyễn Đức Quyền;
- Lưu: VT, KTTC, CNXDGT.  
QDKP 16-012

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thìn